

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mạc Thị Hồng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hà

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- *Thư ký phiên toà:* bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà:* Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/03/2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX- ST ngày 02 tháng 08 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Phạm Văn C, sinh năm 1983 (có mặt)

HKTT: thôn 4, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ hiện nay: xóm C, xã T, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Bị đơn: chị Phạm Thị V, sinh năm 1986 (có mặt)

HKTT: TDP Đ, phường B, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1, Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

2, Chị Mai Thị L, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 4, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Văn C trình bày:

Anh và chị Phạm Thị V kết hôn năm 2017, có ĐKKH kết hôn tại UBND xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú.

Trước khi anh và chị V ĐKKH anh chị đã chung sống với nhau một thời gian. Thời điểm anh đến UBND xã B làm giấy ĐKKH thì chị V vẫn đang đi lao động tại Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam; tuy nhiên anh chị đã thống nhất, chị V nhờ gia đình cung cấp các giấy tờ của chị V cho anh và anh đem giấy tờ của chị V đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Do chị V không có mặt nên anh đã nhờ em họ chị V (tên là L, hiện nay đang cư trú tại thôn 4, xã B) cùng anh đến UBND xã B ký giấy tờ làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh và chị V.

Sau khi anh làm giấy chứng nhận kết hôn thì chị V về nước, anh chị tiếp tục chung sống tại thôn 4, xã B vài tháng thì chuyển về quê Phở Yên sống. Nhưng từ khi về Phở Yên thì anh chị không còn thường xuyên chung sống cùng nhau nữa, chị V làm nhà ở ngoài Ba Hàng ở, còn anh sống cùng bố mẹ tại xã T, thỉnh thoảng có ra nhà chị V.

Thực tế cuộc sống chung sống của anh chị cũng không hòa thuận, thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân cả anh và chị V trước đó đều đã có con riêng, chị V chỉ chấp nhận anh mà không chấp nhận con anh. Tại phiên tòa anh C thừa nhận bắt đầu từ đầu năm 2019 thì anh chị không còn chung sống.

Nay anh yêu cầu được ly hôn. Do tại thời điểm đăng ký kết hôn chị V không ký giấy chứng nhận kết hôn nên anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: không có con chung

Về tài sản chung: anh chị đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa bị đơn chị Phạm Thị V trình bày: Chị và anh Phạm Văn C chung sống với nhau từ cuối năm 2017, không đăng ký kết hôn.

Khi bắt đầu chung sống anh chị chỉ qua lại mà không ở cùng nhau, có thời gian anh chị chung sống tại xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tháng 6/2018 anh chị lại chuyển ra ngoài Phở Yên ở, từ tháng 1/2019 anh chị không chung sống cùng nhau nữa.

Chị V xác định, thời gian chị và anh C chung sống tình cảm bình thường, nhưng thường hay cãi nhau vặt. Nguyên nhân do anh C thường hay nói dối chị về nhiều việc, chị phát hiện được qua tin nhắn điện thoại.

Về Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/11/2017 tên anh C và chị V, đăng ký tại UBND xã B là do anh C đưa cho chị từ đầu năm 2019, nhưng chị không được đi đăng ký kết hôn với anh C, chữ ký phần vợ không phải chữ ký của chị, chị không được ký, không biết ai ký.

Nay chị xác định chị và anh C chỉ chung sống, không có đăng ký kết hôn, anh C làm đơn ly hôn chị đề nghị giải quyết hủy giấy Chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: không có con chung

Về tài sản chung: đã tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên đã có Công văn số 706/2019/CV-TA, ngày 16/4/2019 gửi UBND xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, yêu cầu:

- Theo sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã, có việc anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị V đăng ký kết hôn không ?

- Làm việc với chị Mai Thị L về việc có hay không việc chị L ký hộ tên chị V trên giấy chứng nhận kết hôn.

- Cung cấp giấy tờ có liên quan đến đăng ký kết hôn của anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị V lưu tại UBND xã Bom Bo.

Tại biên bản làm việc ngày 19/4/2019 của UBND xã B với chị Mai Thị L, sinh năm 1985, địa chỉ tại thôn 4, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Chị Mai Thị L xác nhận: “khoảng 8 giờ, ngày 20/11/2017 anh C đến tại quán tôi đang bán hàng nhờ tôi ký hộ giả chữ ký của bà Phạm Thị V. Sau đó tôi đồng ý lên UBND xã B ký vào một số giấy tờ nhưng không biết nội dung giấy gì. Vì chỗ quen biết nên tôi mới làm như vậy, không có nhận tài sản gì của ông C ...”

UBND xã B đã sao toàn bộ hồ sơ đăng ký kết hôn của anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị V gửi Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, gồm: tờ khai đăng ký kết hôn, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị V, Trích lục khai tử của Nguyễn Thị H, giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/11/2017 của Phạm Thị V và Phạm Văn C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203

về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

**Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: áp dụng điều 14, 53 luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 20/11/2017 của UBND xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: không có

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn anh Phạm Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: anh Phạm Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn 4, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và hiện nay đang cư trú tại xóm C, xã T, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Chị Phạm Thị V có hộ khẩu tại tổ dân phố Đ, phường B, thị xã Phổ Yên. Anh C có đơn ly hôn chị V tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Căn cứ điều 28 BLTTDS Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Trong vụ án này UBND xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và chị Mai Thị L được xác định là người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Do vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với

người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị V chung sống từ năm 2017. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh chị cùng xác định Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/11/2017, tại UBND xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tên Phạm Văn C và Phạm Thị V là do anh C tự đi đăng ký kết hôn, chữ ký trên giấy chứng nhận kết hôn phần “Người vợ” không phải do chị V ký, là do anh C nhờ người ký hộ tên chị V.

Sự thừa nhận của anh C và chị V tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với Kết luận giám định số 146/C09 - P5 ngày 24/6/2019 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an và Biên bản làm việc ngày 19/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đối với chị Mai Thị L. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nêu trên khẳng định anh C và chị V chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Khoản 2 điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”.

Từ những căn cứ trên thấy rằng: Việc chung sống giữa anh C và chị V không có đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh C có đơn xin ly hôn chị V, căn cứ theo các văn bản, điều luật đã viện dẫn ở trên, cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị V là vợ chồng, không công nhận giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã đăng ký kết hôn cho anh chị do đã vi phạm điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: không có con chung

[3.3]. Tài sản chung: Anh chị đã tự giải quyết về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4]. Nợ chung và khoản cho vay chung: Không có.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Phạm Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn C đối với chị Phạm Thị V.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị V.

Không công nhận giấy chứng nhận kết hôn số 92/2017, ngày 20/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước thực hiện đối với anh Phạm Văn C và chị Phạm Thị V.

2. *Về con chung*: không có

3. *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Nợ chung và khoản cho vay chung*: Không có.

5. *Án phí*: anh Phạm Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009942 ngày 15/03/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh C, chị V. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã B
- UBND p.B;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Hồng